

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **55/2022/QĐST-HNGĐ**

Vĩnh Cửu, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 149, 150, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 413/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Anh Văn Châu T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Nguyễn Đặng Khánh N, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời trình của anh Văn Châu T và chị Nguyễn Đặng Khánh N tại hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: anh chị tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2012, ngày 01 tháng 6 năm 2012. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất nên hay xảy ra xung đột, cãi vã, anh chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Cả hai đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Văn Gia K, sinh ngày 08/5/2013, Văn Khánh C, sinh ngày 11/7/2014 và Văn Gia M, sinh ngày 29/11/2019. Hiện nay cháu K, cháu C và cháu M đang ở với mẹ là chị Nguyễn Đặng Khánh N. Ly hôn, anh chị thống nhất giao 03 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng như sau:

+ Cháu Văn Gia K và cháu Văn Khánh C mức cấp dưỡng mỗi cháu là 6.000.000 đồng (sáu triệu) đồng/tháng.

+ Cháu Văn Gia M mức cấp dưỡng 8.000.000 đồng (tám triệu) đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự: anh, chị mỗi người phải chịu theo quy định.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải lập ngày 22 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của chị N, cháu K, cháu C và cháu M và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Văn Châu T và chị Nguyễn Đặng Khánh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị N có 03 con chung là cháu Văn Gia K, sinh ngày 08/5/2013, Văn Khánh C, sinh ngày 11/7/2014 và Văn Gia M, sinh ngày 29/11/2019. Hiện nay cháu K, cháu C và cháu M đang do chị N chăm sóc,

nuôi dưỡng. Ly hôn, anh T và chị N thống nhất giao 03 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng như sau:

+ Cháu Văn Gia K và cháu Văn Khánh C mức cấp dưỡng mỗi cháu là 6.000.000 đồng (sáu triệu) đồng/tháng.

+ Cháu Văn Gia M mức cấp dưỡng 8.000.000 đồng (tám triệu) đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con được cấp dưỡng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: anh Văn Châu T và chị Nguyễn Đặng Khánh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh Văn Châu T và chị Nguyễn Đặng Khánh N mỗi người tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004511 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh T và chị N đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và kháng bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã T, huyện C (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (02).

THẨM PHÁN
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn